TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ -TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252a /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2017
"V/v thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Nguyễn Tấn Thức
2.Ông Nguyễn Văn Trình

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64b/2017/QĐXX- ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê M, sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ 100, phường N, quận C, tp. Đà Nẵng; có mặt.

Bị đơn: Bà Lương Thị Xuân N, sinh năm: 1987; địa chỉ: tổ 10, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê M trình bày:***

Ông và bà Lương Thị Xuân N kết hôn với nhau vào năm 2009 và đã ly hôn với nhau vào năm 2011. Tại Quyết định ly hôn số: 103/2011/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2011 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, tp. Đà Nẵng đã quyết định về con chung là, bà Lương Thị Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Lương Trà N, sinh ngày 31/5/2010. Ông Lê M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ cho đến khi con chung Lê Lương Trà N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, hàng tháng ông chu cấp đầy đủ số tiền 500.000đ cho bà N. Từ khi cháu N vào lớp 1 thì ông không giao tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho bà N nữa mà trực tiếp nộp tiền học bán trú cho cháu N, mua sách vở, sữa…Hiện

nay, bà N hiện nay đã lập gia đình và có con riêng nên việc chăm sóc cháu N không được chu đáo, bà N không trực tiếp nuôi dưỡng mà giao cháu N cho bà ngoại (mẹ của bà N) nuôi, hàng ngày cháu N đi học đều do ông nội (cha của ông M) đưa đón. Đôi lúc, mẹ của bà N ngăn cản không cho ông đón cháu N về nhà nội chơi. Việc giao cháu N cho bà N nuôi dưỡng ông không an tâm, vấn đề kinh tế bà N cũng khó khăn. Đồng thời trước khi kết hôn với ông, bà N còn có 01 người con riêng năm nay mười ba tuổi đang sống với mẹ ruột bà N. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Lê Lương Trà N cho ông trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

**** Tại bản tự khai ngày 12/7/2017 và trong quá trình xét xử bị đơn bà Lương Thị Xuân N trình bày:***

Bà và ông Lê M kết hôn với nhau vào năm 2009 và đã ly hôn với nhau theo Quyết định ly hôn số 103/2011/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2011 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, tp. Đà Nẵng. Bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Lương Trà N, sinh ngày 31/5/2010. Ông Lê M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ cho đến khi con chung Lê Lương Trà N đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, bà chăm sóc cháu N chu đáo ông M có lúc đưa tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, có lúc không đưa. Năm 2014, bà lập gia đình và hiện nay có 01 con gái được 11 tháng rưỡi. Trong thời gian bà sinh con nên có gửi cháu N cho bà ngoại chăm sóc, hiện nay cháu N đã về sống với bà tại địa chỉ tổ 10, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng. Bà làm nghề buôn bán phế liệu, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ, về kinh tế và tinh thần bà đủ điều kiện để chăm sóc cho cháu N. Việc ông M khai không cho ông M và gia đình ông M thăm cháu N là không đúng. Bà vẫn để cho ông nội tới nhà chơi, chở cháu đi học, ông M thường đến nhà đón con đi chơi, chở về nhà nội chơi. Vì vậy, bà không đồng ý giao cháu N cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Lê M đối với bà Lương Thị Xuân N.

Về án phí, lệ phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Lương Thị Xuân N không có hộ khẩu, không đăng ký tạm trú nhưng hiện nay bà N đang thuê nhà, làm ăn, sinh sống thường xuyên tại địa chỉ tổ 10, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông Lê M và bà Lương Thị Xuân N kết hôn với

nhau vào năm 2009 và đã ly hôn với nhau vào năm 2011. Tại Quyết định ly hôn số 103/2011/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2011 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, tp. Đà Nẵng đã quyết định về con chung: bà Lương Thị Xuân N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Lương Trà N, sinh ngày 31/5/2010. Ông Lê M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ cho đến khi con chung Lê Lương Trà N đủ 18 tuổi. Ông M cho rằng, bà N hiện nay đã lập gia đình và có con riêng nên việc chăm sóc cháu N không được chu đáo, bà N không trực tiếp nuôi dưỡng mà giao cháu N cho mẹ của bà N nuôi dưỡng, hàng ngày việc đưa đón cháu N đi học đều do ông nội (cha của ông M) đưa đón. Đôi lúc, mẹ của bà N ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc cháu N của ông và gia đình ông. Hơn nữa, vấn đề kinh tế bà N cũng khó khăn. Hiện nay ông làm nghề lao động phổ thông (nghề bốc vác), thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 9.000.000đ. Ông đã lập gia đình vào năm 2016 và đã có 01 con gái được 08 tháng tuổi. Vợ chồng ông M sống chung với ba mẹ ruột tại phường N, quận C, tp. Đà Nẵng.Do vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Lê Lương Trà N cho ông trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu bà Nương cấp dưỡng nuôi con. Còn theo bà N thì sau khi ly hôn với ông M, bà vẫn chăm sóc cháu N chu đáo, không nhờ tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng của ông M vì có lúc ông M giao, có lúc không giao. Bà xác nhận có gửi cháu N cho mẹ ruột bà chăm sóc nhưng lúc đó là do bà mới lập gia đình và sinh con nhỏ còn hiện nay cháu N đã về sống với bà tại địa chỉ tổ 10, phường A, quận L, tp. Đà Nẵng. Bà làm nghề buôn bán phế liệu, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000đ, về kinh tế và tinh thần bà đủ điều kiện để chăm sóc cho cháu N. Việc ngăn cản ông M và gia đình ông M thăm cháu N là không có. Vì vậy, bà không đồng ý giao cháu N cho ông M nuôi.

Xét, nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông M và bà N là chính đáng, hiện nay cả ông M và bà N đều đã có gia đình riêng, có con riêng và có thu nhập ổn định. Song việc giao con cho ai trông nom nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Từ khi sinh ra cho đến nay, cháu N sống với bà N và được bà N chăm sóc chu đáo. Hơn nữa, cháu N là con gái lại đang trong độ tuổi phát triển nên rất cần có sự chăm sóc, dạy bảo của người mẹ. Đồng thời, cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N trong thời điểm này sẽ làm xáo trộn cuộc sống và sinh hoạt, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu. Do vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Lê M đối với bà Lương Thị Xuân N là phù hợp với Điều 81, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Lê M phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 81và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Lê M đối với bà Lương Thị Xuân N

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Lê M phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004816 ngày 02/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông Lê M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:
- Đương sự*;*
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Tòa án nhân dân tp. Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng

5. Trường hợp bản án, quết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Chị Hằng chú ý tính tiền định giá nhé)

1. Nhà và đất số 142 Hà Huy Giáp, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá Việt Tín là 7.480.000đ (bà Đan tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000 đồng (bà Đan tự nguyện chịu)

2. Toàn bộ vật kiến trúc ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 75m^2 và thửa đất số 18, tờ bản đồ số 20, diện tích đất 53,3m; cùng địa chỉ: K36/18 Nguyễn Hữu Thọ, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông Duyên).

Tiền định giá theo giá nhà nước và xem xét là 3.000.000đ (bà Đan nộp có biên lai của Tòa)

3. Công trình xây dựng trên thửa đất (Giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 123, tờ bản đồ số 48, diện tích đất 101,4m^2; địa chỉ: H68/5 K634 Trưng Nữ Vương, phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của bà Đan).

Tiền định giá do Công ty Cổ phần thẩm định giá BTC Value là 4.00.000đ (ông Duyên tạm ứng)

Tiền xem xét 2.000.000đ (ông Duyên nộp có biên lai của Tòa)

Ly hôn ông Duyên có ý kiến sau: Năm 2006, bà Nguyễn Thị Vân đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông với giá là 300.000.000đồng, vợ chồng ông trả dần cho đến tháng 5/2017 mới trả xong hai bên làm thủ tục sang tên trước bạ và được UBND quận Cẩm Lệ cấp giấy CNQSDĐ ngày 31/5/2007.

Ngôi nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 142 Hà Huy Giáp, thành phố Đà Nẵng được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 123005 do UBND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng cấp đứng tên ông Nguyễn Văn Duyên và bà Nguyễn Thị Đan (đã được chỉnh lý ngày 13/8/2007). Tuy nhiên, xét thấy công sức đóng góp của ông Duyên vào khối tài sản trên nhiều hơn bà Đan. Điều này được thể hiện ở chỗ: Ông Duyên và bà Đan kết hôn vào ngày 05/9/2005, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà riêng của ông Duyên tại đường Nguyễn Hữu Thọ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, sau khi kết hôn được 01 tháng, lúc này bà Đan đang mang thai, sức khỏe yếu, phải nằm dưỡng thai tại bệnh viện cho đến khi sinh con. Sau khi bà Đan sinh con được 06 tháng, vợ chồng mâu thuẫn bà Đan đem con là cháu Giang về sống nhà riêng của bà Đan tại đường Trưng Nữ Vương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian này, về kinh tế phần ai tự người đó lo. Trong thời gian này, ông Duyên bán quán cháo lòng tại nhà riêng. Tháng 9/2009, bà Đan bị bệnh ung thư vú nên phải đi điều trị tại bệnh viện K Hà Nội đến tháng 10/2010 bà Đan về lại nhà riêng của ông Duyên sống, đến tháng 02/2011 thì xây dựng ngôi nhà tại đường Hà Huy Giáp.

Do công sức đóng góp của ông Duyên nhiều hơn nên HĐXX chia cho ông Thanh 60% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: 2.253.357.000đồng x 60% = 1.352.014.200đ chia cho bà Đan 40% giá trị nhà ở và quyền sử dụng đất là: 2.253.357.000đồng x 40% = 901.342.800đ.